

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2021/HNGĐ-ST

Ngày 29/4/2021

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Văn Bê.

Bà Lê Thị Minh Khánh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị D - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết - Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 29/4/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 19/2021/TLST-HNGĐ ngày 26/01/2021 về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32A/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/3/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2021/QĐST-HNGĐ ngày 12/4/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Minh Th, sinh năm 1994 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Chăng, xã Bảo Đ, huyện Lục N, tỉnh Bắc Giang.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1992 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Chăng, xã Bảo Đ, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

Hiện nay đang đi lao động tại nước ngoài không rõ địa chỉ

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1970 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Địa chỉ: Thôn Chăng, xã Bảo Đ, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên*

đơn là chị Nguyễn Thị Minh Th trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn T đăng kí kết hôn ngày 25/9/2012 tại UBND xã Bảo Đ, huyện Lục N, tỉnh Bắc Giang. Trước khi kết hôn hai bên được tự do tìm hiểu và tiến tới hôn nhân. Sau khi kết hôn vợ chồng chị về chung sống với nhau ở gia đình nhà chồng tại thôn Chăng, xã Bảo Đ, huyện Lục N, tỉnh Bắc Giang. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Từ năm 2018 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hiểu nhau, không có tiếng nói chung, anh Nguyễn Văn T không chịu khó làm ăn. Từ năm 2018 anh Nguyễn Văn T đi nước ngoài không còn liên lạc về gia đình không còn quan tâm vợ con. Đến cuối năm 2018 vợ chồng cắt đứt mọi quan hệ tình cảm và kinh tế. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Tuấn Th1, sinh ngày 28/01/2014 và cháu Nguyễn Thị Phương Th2, sinh ngày 23/7/2017. Hiện nay hai con chung đang ở với ông bà nội. Chị Th có nguyện vọng được nuôi cháu Th2 còn cháu Th1 chị Th đồng ý với nguyện vọng của cháu. Về cấp dưỡng không đề nghị giải quyết.

- Về tài sản chung, công nợ chung của vợ chồng: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn là anh Nguyễn Văn T hiện đang lao động ở nước ngoài, không có địa chỉ cụ thể. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật đối với anh Nguyễn Văn T đến nay không nhận được bất cứ văn bản nào của anh Nguyễn Văn T.

Tòa án đã xác minh thu thập chứng cứ thông qua mẹ đẻ của anh Nguyễn Văn T là bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1970. Địa chỉ: Thôn Chăng, xã Bảo Đ, huyện Lục N, tỉnh Bắc Giang có quan điểm trình bày như sau:

Bà là mẹ đẻ của anh Nguyễn Văn T có địa chỉ như trên, hiện nay anh Nguyễn Văn T đang đi lao động tại nước ngoài nhưng vẫn thường xuyên liên lạc về với gia đình. Về địa chỉ của anh Nguyễn Văn T ở nước ngoài thì bà không biết nên không cung cấp cho Tòa án được. Tòa án yêu cầu gia đình bà thông báo để anh Nguyễn Văn T gửi qua điểm về thì gia đình bà không thực hiện được. Về việc chị Th xin ly hôn thì anh Nguyễn Văn T có quan điểm là đồng ý ly hôn. Về con chung: có 02 con chung là cháu Nguyễn Tuấn Th1, sinh ngày 28/01/2014 và cháu Nguyễn Thị Phương Th2, sinh ngày 23/7/2017. Chị Th đề nghị được nuôi cháu Th2 còn cháu Th1 thì chị Th đồng ý với nguyện vọng của cháu Th1. Anh T có quan điểm là đồng ý để chị Th nuôi cháu Th2, anh T đề nghị được nuôi cháu Th1. Gia đình bà đồng ý

đứng ra chăm sóc giáo dục con chung là cháu Th1 khi anh T không có nhà. Bà đề nghị triệu tập bà là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Do bận công việc nên bà xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Về tài sản chung, công nợ chung: Không có.

* *Tại đơn trình bày nguyện vọng của cháu Th1:* cháu Th1 trình bày có nguyện vọng được ở với bố khi bố mẹ ly hôn.

* *Tại phiên tòa sơ thẩm,* chị Nguyễn Thị Minh Th xin vắng mặt, không có quan điểm gì khác về yêu cầu khởi kiện xin ly hôn. Anh Nguyễn Văn T vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

* *Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:*

- Việc tuân theo pháp luật tổ tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ xét thấy tình trạng mâu thuẫn của đương sự là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX) căn cứ vào khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 53; khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giải quyết cho chị Nguyễn Thị Minh Th được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Căn cứ các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giao con chung là cháu Nguyễn Thị Phương Th2, sinh ngày 23/7/2017 cho chị Nguyễn Thị Minh Th trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Nguyễn Tuấn Th1, sinh ngày 28/01/2014 cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chung chị Nguyễn Thị Minh Th không yêu cầu nên không xem xét. Tài sản chung, công nợ: chị Th trình bày không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Căn cứ khoản 4, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5, Điều 27- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội buộc chị Nguyễn Thị Minh Th phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị Minh Th là người Việt Nam, hiện đang sống và làm việc tại Việt Nam có đơn xin ly hôn và yêu cầu giải quyết nuôi con chung đối với anh Nguyễn Văn T. Bị đơn Anh Nguyễn Văn T là người Việt Nam, có hộ khẩu thường trú tại thôn Chăng, xã Bảo Đ, huyện Lục N, tỉnh Bắc Giang nhưng đang cư trú ở nước ngoài không có địa chỉ cụ thể. Căn cứ công văn số: 1377/QLXNC-P5 ngày 14/01/2021 của Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an thì anh Nguyễn Văn T đã xuất cảnh ra nước ngoài ngày 02/5/2018, chưa thấy thông tin nhập cảnh về Việt Nam; không có thông tin địa chỉ nước đến, địa chỉ ở nước ngoài của anh Nguyễn Văn T. Từ các nội dung trên, HĐXX xác định: về quan hệ pháp luật đây là vụ án “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1, Điều 28- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; về thẩm quyền: do có đương sự ở nước ngoài nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, theo quy định tại khoản 2, Điều 123- Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3, Điều 35; điểm c, khoản 1, Điều 37- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa chị Nguyễn Thị Minh Th vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt; anh Nguyễn Văn T vắng mặt không có lý do. Căn cứ theo hướng dẫn tại công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 hướng dẫn về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ thì đây được coi là trường hợp anh Nguyễn Văn T có tình giấu địa chỉ. Tòa án đã niêm yết tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho anh Nguyễn Văn T theo quy định tại khoản 5, Điều 177; Điều 179 - Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. HĐXX thấy việc vắng mặt của các đương sự không ảnh hưởng quá trình giải quyết vụ án. Do vậy căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 3, Điều 228- Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Nguyễn Văn T, chị Nguyễn Thị Minh Th.

[3]. Về quan hệ hôn nhân:

Theo như chị Nguyễn Thị Minh Th trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn T đăng kí kết hôn ngày 25/9/2012 tại UBND xã Bảo Đ, huyện Lục N, tỉnh Bắc Giang. Trước khi kết hôn hai bên được tự do tìm hiểu và tiến tới hôn nhân. Sau khi kết hôn vợ chồng chị về chung sống với nhau ở gia đình nhà chồng tại thôn Chăng, xã Bảo Đ, huyện Lục N, tỉnh Bắc Giang.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Từ năm 2018 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hiểu nhau, không có tiếng nói chung, anh Nguyễn Văn T không chịu khó làm ăn. Từ năm 2018 anh Nguyễn Văn T đi nước ngoài không còn liên lạc về gia đình không còn quan tâm vợ con. Đến cuối năm 2018 vợ chồng cắt đứt mọi quan hệ tình cảm và kinh tế.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Th, Hội đồng xét xử thấy: Quan hệ hôn nhân của chị Nguyễn Thị Minh Th và anh Nguyễn Văn T là hợp pháp. Hiện nay chị Nguyễn Thị Minh Th và anh Nguyễn Văn T mỗi người sống một nơi, xa cách về địa lý và không còn quan tâm, chia sẻ với nhau trong cuộc sống nữa, vợ chồng mâu thuẫn cắt đứt liên lạc. Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nhưng cả chị Nguyễn Thị Minh Th và anh Nguyễn Văn T đã không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng theo như các quy định đã nêu ở trên. Như vậy, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Minh Th và anh Nguyễn Văn T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, HĐXX căn cứ khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 53; khoản 1, Điều 56 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị Nguyễn Thị Minh Th được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

[4]. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Minh Th và anh Nguyễn Văn T có 02 con chung là cháu Nguyễn Tuấn Th1, sinh ngày 28/01/2014 và cháu Nguyễn Thị Phương Th2, sinh ngày 23/7/2017. Chị Th đề nghị được nuôi cháu Th2 còn cháu Th1 thì chị Th đồng ý với nguyện vọng của cháu Th1.

Xét yêu cầu nuôi con chung của chị Th, HĐXX thấy: Tại thời điểm Tòa án giải quyết vụ án anh Nguyễn Văn T không có mặt tại địa phương nhưng vẫn thường xuyên liên lạc về với gia đình. Cháu Th1 có nguyện vọng được ở với bố và chị Th đồng ý với nguyện vọng của cháu Th1. Bên cạnh đó, bà Dung là bà nội của cháu cũng đồng ý đứng ra nhận trách nhiệm để nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung của anh Nguyễn Văn T và chị Th trong thời gian anh T không có ở nhà. Việc bà Nguyễn Thị D nhận trách nhiệm quan tâm, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu Th1 cũng phù hợp theo quy định của Điều 104 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 cần được chấp nhận. Vì vậy để đảm bảo quyền lợi của con chung cần áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, giao con chung là cháu Nguyễn Thị Phương Th2, sinh ngày 23/7/2017 cho chị Nguyễn Thị Minh Th trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Giao con chung là cháu Nguyễn

Tuấn Th1, sinh ngày 28/01/2014 cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Anh Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Nguyễn Thị Minh Th không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Trường hợp Anh Nguyễn Văn T về Việt Nam và có nguyện vọng nuôi con chung có thể làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84- Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5]. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản (công nợ): Chị Th trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[6]. Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5, Điều 27- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, buộc chị Nguyễn Thị Minh Th phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

[7]. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2, Điều 479- Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 53; khoản 1, Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; khoản 2, Điều 123, Điều 104 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1, Điều 28; khoản 3, Điều 35; điểm c, khoản 1, Điều 37; khoản 4, Điều 147; điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 3, Điều 228; điểm b, khoản 1, Điều 238; Điều 271; Điều 273; khoản 2, Điều 479- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a, khoản 5, Điều 27- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Minh Th được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Tuấn Th1, sinh ngày 28/01/2014 cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Giao con chung là cháu Nguyễn Thị Phương Th2, sinh ngày 23/7/2017 cho chị Nguyễn Thị Minh Th trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến

khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Anh Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Nguyễn Thị Minh Th không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Trường hợp Anh Nguyễn Văn T về Việt Nam và có nguyện vọng nuôi con chung có thể làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84- Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Minh Th phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0000880 ngày 27/01/2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị Nguyễn Thị Minh Th đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

- Anh Nguyễn Văn T hiện đang cư trú ở nước ngoài, không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng (30 ngày) kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

- Chị Nguyễn Thị Minh Th cư trú tại Việt Nam, không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND Cấp Cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang
- UBND xã Bảo Đ, huyện Lục N;
- Công thông tin điện tử TANDTC;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Hà

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Ngô Văn Bê Lê Thị Minh Khánh

Trần Thị Hà